



# NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN



ThS. Đường Thị Quỳnh Liên

# Chương VII

## PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- 7.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- 7.2. HỆ THỐNG CÁC BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN







# 7.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



## 7.1.1. Cơ sở hình thành



Nhằm cung cấp những thông tin tổng quát, toàn diện về từng hoạt động kinh tế tài chính, về tài sản, nguồn vốn... tạo điều kiện cho quản lý có hiệu quả, hạch toán kế toán đã xây dựng phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.



Tổng hợp cân đối kế toán là phương pháp khái quát tình hình tài sản, kết quả kinh doanh và các mối quan hệ kinh tế khác thuộc đối tượng hạch toán kế toán.







## 7.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



### ■ 7.1.2. Ý nghĩa



■ Giúp nhận biết được những thông tin về tình hình tài sản, tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị.





■ Tạo điều kiện cho kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, tình hình tài chính, tình hình huy động và khai thác các nguồn vốn, nguồn kinh phí.



## 7.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



### 7.1.3. Nội dung

- 
- Quan hệ cân đối tổng thể, cân đối chung:
    - + Quan hệ cân đối giữa tài sản và nguồn vốn
    - Tài sản = Các khoản nợ phải trả + Nguồn vốn chủ sở hữu
    - + Quan hệ cân đối giữa chi phí, thu nhập, kết quả
    - Kết quả = Thu nhập – Chi phí
  - Quan hệ cân đối bộ phận, cân đối từng phần
    - *Vốn (nguồn vốn) cuối kỳ = Vốn (nguồn vốn) đầu kỳ + Vốn (nguồn vốn) tăng trong kỳ - Vốn (nguồn vốn) giảm trong kỳ*
- 

## 7.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- Hình thức biểu hiện cụ thể hay kết quả của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán là hệ thống các bảng tổng hợp cân đối kế toán.

- Hệ thống các bảng Tổng hợp cân đối kế toán phân chia thành hai hệ:

- Hệ bảng Tổng hợp cân đối kế toán tổng thể (các báo cáo kế toán tài chính): gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh...

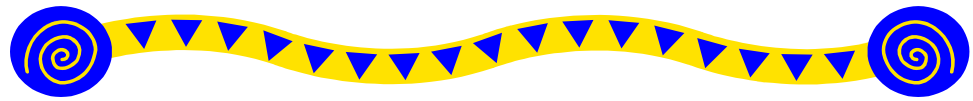
- Hệ thống Tổng hợp cân đối kế toán bộ phận (các báo cáo kế toán quản trị) gồm bảng cân đối vật tư, báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ, báo cáo về giá thành sản phẩm...





## 7.2. HỆ THỐNG CÁC BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- 7.2.1. Bảng cân đối kế toán
- 7.2.2. Báo cáo kết quả kinh doanh
- 7.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ





## 7.2.1. Bảng cân đối kế toán

### ■ 7.2.1.1. Khái niệm

■ Bảng cân đối kế toán là bảng tổng hợp cân đối phản ánh tình hình tài sản của doanh nghiệp trên hai mặt: giá trị tài sản và nguồn hình thành tài sản tại một thời điểm nhất định.





## 7.2.1. Bảng cân đối kế toán

### ■ 7.2.1.2. Nội dung và kết cấu cơ bản

■ Bảng cân đối kế toán có hai nội dung chính là tài sản và nguồn vốn, được kết cấu theo hai dạng:

■ Dạng 1: Kết cấu ngang

■ Dạng 2: Kết cấu dọc



## 7.2.1. Bảng cân đối kế toán (Dạng 1)

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I. Tài sản		
A. TSNH		
B. TSDH		
Tổng cộng TS	A	B
II. Nguồn vốn		
A. Nợ phải trả		
B. Nguồn vốn CSH		
Tổng cộng NV	A	B

## 7.2.1. Bảng cân đối kế toán (Dạng 2)

	Tài sản	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Nguồn vốn	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
A. B.	TSNH TSDH			A. B.	Nợ phải trả Vốn CSH	
	Tổng cộng TS	A	B	Tổng cộng NV	A	B

## 7.2.1. Bảng cân đối kế toán

- 7.2.1.3. Phương pháp lập Bảng cân đối kế toán
- Số đầu kỳ này là số cuối kỳ trước.
- Không được bù trừ số dư công nợ khi lập Bảng cân đối kế toán (TK 131, 331).
- Tài khoản dư Nợ ghi bên Tài sản. Trừ một số TK 214, 129, 229, 139, 159 có số dư Có nhưng được ghi âm bên Tài sản.
- TK dư Có ghi bên Nguồn vốn. Trừ một số TK 412, 413, 421 nếu dư Có thì ghi bình thường bên Nguồn vốn, nếu dư Nợ thì ghi âm bên Nguồn vốn.





## 7.2.1. Bảng cân đối kế toán

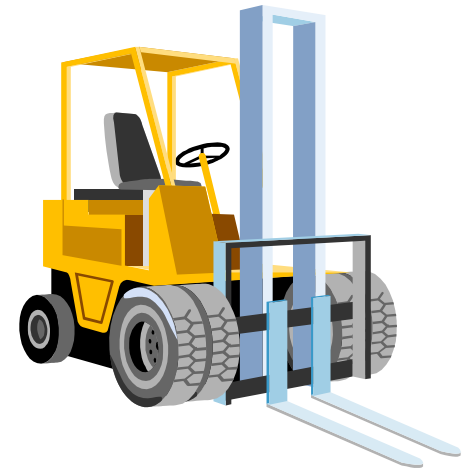
- 7.2.1.4. Quan hệ giữa tài khoản kế toán và Bảng cân đối kế toán
- Đầu kỳ, căn cứ vào số liệu của Bảng cân đối kế toán để ghi số dư đầu kỳ vào tài khoản.
- Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trực tiếp vào TK dựa trên các quan hệ đối ứng tài khoản phát sinh trong nghiệp vụ.
- Cuối kỳ, số dư của TK kế toán là cơ sở lập Bảng cân đối kế toán mới.



## 7.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### ■ 7.2.2.1. Khái niệm

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là bảng tổng hợp về tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong một thời kỳ cụ thể của đơn vị kế toán.



## 7.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.2.2.2. Nội dung và kết cấu cơ bản

- Báo cáo kết quả kinh doanh được trình bày theo hai dạng:

- Kết cấu nhiều bước

- Kết cấu một bước



# Báo cáo kết quả kinh doanh (Kết cấu nhiều bước)

	Chỉ tiêu	Số tiền
1.	DTBH và CCDV	
2.	Các khoản giảm trừ DT	
3.	DT thuần	
4.	Giá vốn hàng bán	
5.	Lợi nhuận gộp	
6.	Doanh thu tài chính	
7.	Chi phí tài chính	
8.	Chi phí bán hàng	
9.	Chi phí QLDN	
10.	LN thuần HĐKD	
11.	Thu nhập khác	
12.	Chi phí khác	
13.	LN khác	
14.	Tổng lợi nhuận	





# Báo cáo kết quả kinh doanh (Kết cấu một bước)



Chỉ tiêu	Số tiền
- Doanh thu DT thuần DT khác	
- Chi phí Giá vốn hàng bán Chi phí bán hàng Chi phí QLDN	
- .....	
- LN thuần	

## 7.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.2.2.3. Phương pháp lập Báo cáo kết quả kinh doanh

#### Cơ sở số liệu:

- Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ trước
- Số phát sinh của các tài khoản kế toán phản ánh doanh thu, chi phí.



### 7.2.2.3. Phương pháp lập Báo cáo kết quả kinh doanh

- Xác định các chỉ tiêu trong báo cáo
- $\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu tiêu thụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$
- $\text{Các khoản giảm trừ doanh thu} = \text{Giảm giá hàng bán} + \text{Doanh thu hàng bán bị trả lại} + \text{Thuế tiêu thụ đặc biệt} + \text{Thuế xuất khẩu} + \text{Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.}$
- $\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$
- $\text{Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$
- $\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$
- $\text{Tổng lợi nhuận} = \text{Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận hoạt động khác}$



## 7.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

### ■ 7.2.3.1. Khái niệm

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp trình bày các khoản thu, chi tiền trong kỳ theo từng hoạt động (hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính)





## 7.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

### ■ 7.2.3.2. Nội dung, kết cấu

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính



## 7.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- 7.2.3.3. Phương pháp lập
- Phương pháp gián tiếp
- Phương pháp trực tiếp

